

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày 29 tháng 3 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Quốc Bảo – Nguyên chủ tịch liên đoàn lao động huyện G, tỉnh Gia Lai.

Bà Nguyễn Thị Mỹ – Nguyên hiệu trưởng trường THCS H, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 2 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

Tô Ngọc Lượng, sinh năm 1979 tại tỉnh Quảng Trị.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Tô Ngọc B, sinh năm 1953 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1957. Có vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 đã ly hôn năm 2008 và một con sinh năm 2000.

Ngày 29/11/2001 có hành vi trộm cắp tài sản. Ngày 19/7/2002 bị Tòa án nhân dân huyện G tuyên phạt 05 tháng 02 ngày tù về tội Trộm cắp tài sản; ngày 30/3/2005 bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai tuyên phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Tiền án: Không; tiền sự: Không

Bị cáo đang tại ngoại. Có mặt

Người bị hại: Ông Phạm Ngọc L1, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

2. Ông Vũ Quốc V, sinh năm 1975

Nơi cư trú: 216 H, phường T, TP.P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

3. Bà Lê Nguyễn Thảo M, sinh năm 1982

Nơi cư trú: 293 H, phường T, TP.P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 07/Ctr-VKS ngày 08/02/2018, bị cáo Tô Ngọc L bị Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Tô Ngọc L và chị Nguyễn Thị N (sinh năm 1982, chỗ ở thôn C, xã Y, huyện G) chung sống với nhau như vợ chồng (không đăng ký kết hôn). Trong quá trình sinh sống L có quen biết anh Phạm Ngọc L1 (sinh năm 1976, chỗ ở thôn H, xã Y) là con nuôi của bố mẹ N. Vào sáng ngày 29/5/2012 L và N có nảy sinh mâu thuẫn nên L bức tức muốn bỏ đi nhưng không có tiền, vì thế L nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh L1 để bán lấy tiền bỏ đi. Khoảng 11 giờ cùng ngày L lấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của mình rồi đi đến nhà anh L1 mượn 01 xe mô tô, biển kiểm soát 81V1-028.35 nói là để đi công việc. Anh L1 đồng ý cho L mượn xe và đưa giấy tờ xe cho L để sử dụng. Sau đó L điều khiển xe mô tô trên đi đến thành phố P, đến khoảng 13 giờ cùng ngày L đã bán chiếc xe của anh L1 cho cửa hàng xe máy Xuân Mai do anh Vũ Quốc V (địa chỉ 216 H, thành phố, tỉnh Gia Lai) làm chủ với giá 11.500.000đ (mười một triệu năm trăm ngàn đồng), rồi bỏ đi khỏi địa phương. Sau đó anh V đã bán chiếc xe mô tô trên cho chị Lê Nguyễn Thảo M với giá 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Hôm sau, không thấy L mang xe đến trả nên anh L1 đến nhà L hỏi thì chị N nói sau khi L bỏ đi chị N có liên lạc với L thì L nói là đã bán xe của anh L1 cho cửa hàng xe máy Xuân Mai và nói N ra chuộc về trả lại cho anh L1. Nên N cùng vợ chồng anh L1 đi chuộc lại xe nhưng anh V nói đã bán xe rồi nên anh L1 đã làm đơn trình báo cơ quan Công an huyện G. Công an huyện G đã tiến hành xác minh và tạm giữ chiếc xe trên do chị Lê Nguyễn Thảo M giao nộp. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã khởi tố và ra Quyết định truy nã đối với Tô Ngọc L, ngày 27/11/2017 L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình. Tại kết luận số 19/KL-TS ngày 12/7/2012 của

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G xác định giá trị còn lại của 01 xe mô tô hiệu Honda (Wave), biển kiểm soát 81V1-028.35 là 17.355.000đ (mười bảy triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Đối với anh Vũ Quốc V và chị Lê Nguyễn Thảo M quá trình điều tra xác định anh V và chị M không biết chiếc xe trên là do L phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G không xử lý hình sự đối với anh V và chị M. Hiện anh V đã trả lại cho chị M số tiền 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Quá trình điều tra chị Nguyễn Thị N đã bồi thường cho anh Vũ Quốc V số tiền 11.500.000đ. Hiện nay anh V đã nhận tiền và không có yêu cầu gì khác. Đối với việc N thay L bồi thường tiền cho anh Vũ Quốc V là hoàn toàn tự nguyện, hiện nay N không yêu cầu L phải hoàn lại cho N số tiền trên.

Đối với xe mô tô biển kiểm soát 81V1-028.35 quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Ngọc L1 bị L chiếm đoạt nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã xử lý vật chứng trả lại cho anh L1 chiếc xe trên. Hiện anh L1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng số 07/Ctr-VKS ngày 08/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tô Ngọc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174; các điểm b, s khoản 1,2 Điều 51; Của Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017 xử phạt:

Bị cáo Tô Ngọc L: từ 10 đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo

Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 11.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Tô Ngọc L thừa nhận hành vi phạm tội như Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bị hại ông Phạm Ngọc L1 vắng mặt tại phiên tòa, trong đơn xin xét xử vắng mặt, ông L1 đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra, tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Do có ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh L1, ngày 29/5/2012 bị cáo Tô Ngọc L đã lấy chứng minh nhân dân cùng sổ hộ khẩu của mình đến nhà anh Long để mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 81V1-028.35 nói là đi công việc, sau khi anh L1 đồng ý cho mượn xe cùng giấy tờ xe. Bị cáo L đã điều khiển xe máy của anh L1 đến cửa hàng xe máy Xuân Mai tại địa chỉ 216 H, thành phố P, tỉnh Gia Lai bán cho anh Vũ Quốc V (là chủ cửa hàng) với giá 11.500.000 đồng rồi bỏ đi khỏi địa phương. Tại Kết luận số 19/KL-TS ngày 12/7/2012 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định giá trị còn lại của xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 81V1-028.35 là 17.355.000 đồng (mười bảy triệu ba trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

Hành vi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 81V1-028.35 có giá trị 17.355.000 đồng của Tô Ngọc L là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo L thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 29/5/2012, do vậy tội phạm mà bị cáo Tô Ngọc L đã thực hiện được quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[2] Về tính chất của tội phạm

Bị cáo Tô Ngọc L đã hai lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2002 ngày 19/7/2002 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai và tại bản án hình sự sơ thẩm số 115/2005 ngày 30/3/2005 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Trong quá trình chấp hành hình phạt, bị cáo đã được giáo dục, cải tạo. Do vậy bị cáo hoàn toàn nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền một cách nhanh chóng, bị cáo Tô Ngọc L đã lợi dụng sự quen biết với anh L1 dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh Phạm Ngọc L1 để bán lấy tiền phục vụ mục đích cá nhân. Sau khi bán được tài sản đã chiếm đoạt, bị cáo bỏ đi khỏi địa phương, thể hiện ý thức bỏ trốn, bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp vào quyền sở hữu tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ, thể hiện ý thức xem thường pháp luật vậy cần phải xử lý nghiêm khắc phù hợp với tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Tô Ngọc L có nhân thân xấu, đã hai lần bị xét xử tuyên án về tội trộm cắp tài sản. Mặc dù đến thời điểm phạm tội bị xét xử lần này, bị cáo L đã được xóa án tích nhưng cần xử lý nghiêm khắc để phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, sau một thời gian bỏ trốn, bị cáo đã đầu thú, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, trước đó bị cáo đã có ý thức tác động người thân khắc phục hậu quả, người bị hại có đơn bãi nại, người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

[4] Về hình phạt

Sau khi cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, đảm bảo tác dụng răn đe, đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[5] Về biện pháp tư pháp:

Đối với số tiền 11.500.000 đồng do bị cáo bán chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 81V1-028.35 của anh L1 mà có. Đây là khoản thu lợi bất chính. Người có quyền lợi liên quan là chị Nguyễn Thị N không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền khắc phục hậu quả 11.500.000 đồng. Do vậy cần buộc bị cáo phải nộp số tiền 11.500.000 đồng sung công quỹ Nhà nước.

[6] Về dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị hại là anh Phạm Ngọc L1 đã nhận lại được tài sản bị Tô Ngọc L chiếm đoạt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Quốc V, chị Nguyễn Thị N, chị Lê Nguyễn Thảo M đã thoả thuận giải quyết xong về dân sự. Hội đồng xét xử không xem xét về dân sự.

[7] Về vật chứng:

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 81V1-028.35 nhãn hiệu Honda Wave, đây là tài sản hợp pháp của anh Phạm Ngọc L1. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại tài sản này cho anh Phạm Ngọc L1. Hiện không còn vật chứng gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Tô Ngọc L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; của Bộ luật hình sự 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Tô Ngọc L 13 (Mười ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng Điều 47 của của Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Tô Ngọc L phải nộp 11.500.000 đồng (Mười một triệu năm trăm ngàn đồng sung công quỹ Nhà nước).

Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

Buộc bị cáo Tô Ngọc L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo được quyền kháng cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Văn Quảng